

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ

TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho kỳ kế toán Quý II Năm tài chính 2017

và lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/09/2017

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04 - 40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

SBK

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/09/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch	
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên	
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2017)
Ông: Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc	
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/09/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 23 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2017	01/04/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.386.761.805.729	1.311.732.205.917
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	213.469.455.909	527.522.459.306
111	1. Tiền		82.406.735.909	79.478.691.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		131.062.720.000	448.043.767.465
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	220.300.000.000	39.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		220.300.000.000	39.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.670.280.115	104.835.690.991
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	26.985.501.100	82.856.519.658
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	27.651.101.407	19.105.272.373
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	29.033.677.608	2.873.898.960
140	IV. Hàng tồn kho	08	852.027.635.806	639.750.624.155
141	1. Hàng tồn kho		852.027.635.806	639.750.624.155
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.294.433.899	423.431.465
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		743.471.377	418.668.128
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.477.956.615	1.763.337
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	73.005.907	3.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN		<u>30/09/2017</u> VND	<u>01/04/2017</u> VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.416.477.062.578	3.332.144.129.653
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		229.750.000.000	252.750.000.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	06	229.750.000.000	252.750.000.000
220	II. Tài sản cố định		78.250.412.875	77.337.833.518
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	25.040.322.568	24.028.325.047
222	- Nguyên giá		54.419.670.277	52.080.175.059
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.379.347.709)	(28.051.850.012)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	53.210.090.307	53.309.508.471
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.119.295.583)	(3.019.877.419)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	628.495.381.521	633.355.948.986
231	- Nguyên giá		657.248.333.392	656.324.100.544
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.752.951.871)	(22.968.151.558)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		92.477.041.408	658.147.271
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	92.477.041.408	658.147.271
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.387.128.662.655	2.367.048.823.933
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.341.678.662.655	2.323.098.823.933
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		43.950.000.000	43.950.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.500.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		375.564.119	993.375.945
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	173.112.800
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	375.564.119	820.263.145
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>4.803.238.868.307</u>	<u>4.643.876.335.570</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		
		30/09/2017 VND	01/04/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	413.124.254.536	216.034.676.367
310	I. Nợ ngắn hạn	220.266.206.366	170.283.294.197
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14 9.495.840.938	42.907.293.281
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15 97.586.067.820	53.959.067.341
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16 21.124.790.108	33.160.898.612
314	4. Phải trả người lao động	15.217.517	15.217.517
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17 3.724.097.980	29.380.502.604
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19 6.814.298.034	8.374.633.250
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18 5.636.483.906	2.348.085.529
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13 75.731.814.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn	192.858.048.170	45.751.382.170
337	1. Phải trả dài hạn khác	18 188.351.382.170	45.751.382.170
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13 4.506.666.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.390.114.613.771	4.427.841.659.203
410	I. Vốn chủ sở hữu	20 4.390.114.613.771	4.427.841.659.203
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	760.139.438.182	797.867.217.389
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	507.615.768.615	107.634.355.778
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	252.523.669.567	690.232.861.612
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	35.035.589	34.301.813
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.803.238.868.307	4.643.876.335.570

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý II năm tài chính 2017 và lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến 30/09/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Thuyết minh		Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	
		Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
		VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	490.984.327.029	482.121.549.519	1.104.069.264.686	612.537.589.718
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	490.909.091	754.545.455	490.909.091	754.545.455
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	490.493.417.938	481.367.004.064	1.103.578.355.595	611.783.044.263
11	4. Giá vốn hàng bán	362.331.031.634	354.962.663.744	809.642.472.259	463.962.650.806
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.162.386.304	126.404.340.320	293.935.883.336	147.820.393.457
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.644.354.296	2.117.814.798	12.052.748.994	6.248.224.745
22	7. Chi phí tài chính	492.430.587	4.458.213	723.656.764	4.458.213
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	492.256.791	-	492.256.791	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	8.804.799.348	9.317.310.401	18.436.114.127	9.490.245.451
25	9. Chi phí bán hàng	3.098.881.614	2.295.054.738	5.069.900.693	3.568.607.365
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.943.800.393	5.399.995.193	10.819.715.136	10.147.504.567
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	135.076.427.354	130.139.957.375	307.811.473.864	149.838.293.508
31	12. Thu nhập khác	3.656.074.509	322.339.569	4.919.533.013	167.315.138.809
32	13. Chi phí khác	84.716.808	636.856.153	84.717.564	636.919.153
40	14. Lợi nhuận khác	3.571.357.701	(314.516.584)	4.834.815.449	166.678.219.656

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý II năm tài chính 2017 và lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến 30/09/2017

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	30/09/2017	30/09/2016	30/09/2017	30/09/2016
50 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.647.785.055	129.825.440.791	312.646.289.313	316.516.513.164
51 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.062.289.356	26.958.360.899	58.416.122.864	30.873.723.667
52 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(74.905.362)	(451.140.644)	444.699.026	(451.140.644)
60 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	112.660.401.061	103.318.220.536	253.785.467.423	286.093.930.141
61 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	112.659.993.762	103.162.389.284	253.784.695.817	285.775.671.829
62 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	407.299	155.831.252	771.606	318.258.312

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phòng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2017



Hoàng Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/09/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		312.646.289.313	316.516.513.164
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(22.763.433.634)	(177.259.009.698)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.211.716.174	5.925.564.830
03	- Các khoản dự phòng		-	(760.320.000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.467.406.599)	(182.352.013.810)
06	- Chi phí lãi vay		492.256.791	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(72.240.718)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		289.882.855.679	139.257.503.466
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		29.937.698.013	(72.812.855.145)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(213.201.244.499)	(163.952.240.355)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		126.406.910.224	(49.916.405.539)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(151.690.449)	23.783.685
14	- Tiền lãi vay đã trả		(492.256.791)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.062.618.039)	(81.246.581.647)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.261.026.249)	(9.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		163.058.627.889	(228.656.395.535)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(94.158.389.355)	(10.123.061.395)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(213.800.000.000)	(330.172.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		31.200.000.000	383.347.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.645.112.294.639)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.712.806.149	6.813.383.349
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(267.045.583.206)	(1.595.246.972.685)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.099.945.720.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		80.238.480.000	1.450.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	(6.068.860.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(290.304.528.080)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(210.066.048.080)	2.095.326.860.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/09/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
số			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(314.053.003.397)	271.423.491.780
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		527.522.459.306	196.866.745.489
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	213.469.455.909	468.290.237.269

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý II năm tài chính 2017 và lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến 30/09/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; Tương đương 362.994.014 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản và phương tiện vận tải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

- Hoạt động phân phối xe đầu kéo nhập khẩu của Mỹ được Công ty bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2015 và ngày càng phát triển mạnh, dẫn tới doanh thu hợp nhất kỳ này của Công ty tăng hơn 80% so với kỳ trước. Tuy nhiên, do khoản thu nhập khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty giảm so với kỳ trước (nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận chênh lệch giữa giá trị hợp lý của Tài sản thuần và giá phí khoản đầu tư tại thời điểm mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy - HHS) dẫn đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty giảm hơn 11%.
- Theo Biên bản và Nghị quyết HĐQT số 07/2017/BB-HĐQT và số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 16/08/2017 và Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HTKD ngày 16/08/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS- Công ty liên kết) góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) để thực hiện Dự án bất động sản tại địa chỉ số 1 và số 8 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết về Dự án Bất động sản và số tiền góp vốn đến ngày 30/09/2017 xem tại Thuyết minh số 9 và 18.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, x máy, bảo dưỡng xe ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	36,58%	36,58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 03 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Giá trị hợp lý của Tài sản thuần

Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định Giá trị hợp lý của Tài sản thuần nên Công ty xác định Giá trị hợp lý của Tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết bằng giá trị sổ sách tại thời điểm mua.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	5 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 44 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Riêng đối với các khoản vay phục vụ mục đích xây dựng, cải tạo các Chung cư cũ và theo Phương án tài chính của Hợp đồng BT, lãi vay sẽ được khấu trừ dần theo giá trị của diện tích đất được UBND Thành phố giao để thực hiện dự án khác và được Công ty ghi nhận là khoản Phải thu khác.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.339.423.625	1.028.677.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.067.312.284	78.450.014.798
Các khoản tương đương tiền (*)	131.062.720.000	448.043.767.465
	213.469.455.909	527.522.459.306

(*) Tại ngày 30/09/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi kỳ hạn từ 2 đến 3 tháng có giá trị 131.062.720.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 5,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	220.300.000.000	220.300.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	220.300.000.000	220.300.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.500.000.000	-	-	-
	221.800.000.000	220.300.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000

(*) Tại ngày 30/09/2017, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 18 tháng có tổng giá trị 221.800.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,5%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 7,5% đối với kỳ hạn 18 tháng.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Địa chỉ	30/09/2017			01/04/2017		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết			2.341.678.662.655			2.323.098.823.933
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	47,50%	47,50%	271.742.908.772	47,50%	47,50%	269.019.481.193
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	48,00%	48,00%	317.309.658.306	48,00%	48,00%	315.622.680.347
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	48,00%	48,00%	135.738.142.358	48,00%	48,00%	135.273.082.297
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	45,00%	45,00%	253.525.143.117	45,00%	45,00%	253.145.190.428
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	46,50%	46,50%	224.883.730.620	46,50%	46,50%	224.200.608.463
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	36,58%	36,58%	1.138.479.079.482	36,58%	36,58%	1.125.837.781.205
			2.341.678.662.655			2.323.098.823.933

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 38.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (**)	43.950.000.000	-	43.950.000.000	-
	43.950.000.000	-	43.950.000.000	-

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	3.177.215.000	20.718.015.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	-	3.761.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	-	9.804.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Nhà Golden Land	5.301.430.945	3.310.267.580
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	14.097.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	-	8.193.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh	1.828.000.000	5.554.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star	1.439.000.000	4.891.000.000
- Navistar., Inc	7.688.098.775	-
- Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng	5.045.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.506.756.380	12.527.737.078
	26.985.501.100	82.856.519.658
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	5.373.114.999	69.290.605.055

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	8.269.066.000	-	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Cơ khí Quang Minh	4.011.916.979	-	4.011.916.979	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Linezone Việt Nam	1.140.000.000	-	3.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư V.I.P Land	3.132.000.000	-	3.132.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	11.098.118.428	-	8.161.355.394	-
	27.651.101.407	=	19.105.272.373	=
b) Dài hạn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand (*)	229.750.000.000	-	252.750.000.000	-
	229.750.000.000	=	252.750.000.000	=

(*) Tạm ứng tiền thi công xây dựng công trình Dự án tổ hợp Công trình hỗn hợp cao tầng thuộc Dự án Trung tâm thương mại Dịch vụ Nhà ở Golden Land Building tại số 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 15/2/2016/GoldenLand ngày 15/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi	4.311.317.633	-	1.992.831.310	-
- Tạm ứng cho người lao động	623.500.626	-	711.830.082	-
- Tạm ứng hỗ trợ di dời chi hộ Trung tâm phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền (*)	23.700.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	398.859.349	-	169.237.568	-
	29.033.677.608	-	2.873.898.960	-

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Phường Máy Tơ cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi UBND Quận ban hành quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	77.222.661.228	-	86.978.531.071	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.181.572.037	-	1.242.557.912	-
- Công cụ, dụng cụ	58.325.182	-	64.479.162	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	356.572.609.699	-	401.013.988.926	-
- Thành phẩm	150.520.419.592	-	31.835.592.595	-
- Hàng hóa	28.108.781.159	-	12.850.538.096	-
- Hàng gửi bán	238.363.266.909	-	105.764.936.393	-
	852.027.635.806	-	639.750.624.155	-

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Dự án Chung cư Golden Land Building:

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tòa nhà N01	211.797.454.644	-	259.965.659.094	-
Tòa nhà N02	26.554.470.825	-	23.644.095.425	-
Tòa nhà Trung tâm Thương mại	118.220.684.230	-	117.404.234.407	-
	356.572.609.699	-	401.013.988.926	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Dự án bất động sản đang triển khai		
+ Dự án cải tạo Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi (1)	11.234.237.500	658.147.271
+ Dự án Bất động sản tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng (2)	77.756.095.272	-
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (3)	3.162.565.909	-
- Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Xưởng sửa chữa bảo hành và Showroom ô tô	324.142.727	-
	92.477.041.408	658.147.271

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT). Theo Hợp đồng BT số 01/2017/HĐBT ngày 05/04/2017 ký giữa Sở Xây dựng Hải Phòng (Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Nhà đầu tư), tổng vốn đầu tư thực hiện dự án BT là 109.627.000.000 đồng, thời gian hoàn thành xây dựng công trình chậm nhất theo cam kết là 30/11/2018.

(2) Trong kỳ, để chủ động trong việc tìm kiếm quỹ đất bồi hoàn hợp đồng BT, Công ty đã tham gia đấu giá thành công và nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm tại địa chỉ số 1 và số 8 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng với giá trúng đấu giá 85,5 tỷ đồng (đã bao gồm VAT). Công ty đã gửi Công văn số 116/CV-TCH ngày 18/07/2017 gửi UBND Thành phố Hải Phòng về việc tiến hành các thủ tục liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng lô đất và đề xuất với UBND Thành phố về việc cho phép đơn vị được điều chỉnh quy hoạch, chuyển đổi thành đất ở tạo ra quỹ đất BT trả cho các dự án BT do Công ty trúng thầu. Hiện tại, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các thủ tục để xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xây dựng các phương án đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được UBND Thành phố Hải Phòng phê duyệt.

(3) Dự án thực hiện cải tạo chung cư cũ xuống cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, xây dựng chung cư HH3, HH4 Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.136.565.238	2.210.114.096	8.663.227.727	994.358.498	75.909.500	52.080.175.059
- Mua trong kỳ	-	-	2.339.495.218	-	-	2.339.495.218
Số dư cuối kỳ	40.136.565.238	2.210.114.096	11.002.722.945	994.358.498	75.909.500	54.419.670.277
Hao mòn TSCĐ						
Số dư đầu năm	19.271.671.455	2.157.212.143	6.009.040.341	569.645.531	44.280.542	28.051.850.012
- Khấu hao trong kỳ	780.275.159	18.984.990	423.321.654	85.938.518	18.977.376	1.327.497.697
Số dư cuối kỳ	20.051.946.614	2.176.197.133	6.432.361.995	655.584.049	63.257.918	29.379.347.709
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	20.864.893.783	52.901.953	2.654.187.386	424.712.967	31.628.958	24.028.325.047
Tại ngày cuối kỳ	20.084.618.624	33.916.963	4.570.360.950	338.774.449	12.651.582	25.040.322.568

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.048.002.309 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Số dư cuối kỳ	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.907.981.229	111.896.190	3.019.877.419
- Khấu hao trong kỳ	99.418.164	-	99.418.164
Số dư cuối kỳ	3.007.399.393	111.896.190	3.119.295.583
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	53.309.508.471	-	53.309.508.471
Tại ngày cuối kỳ	53.210.090.307	-	53.210.090.307

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	195.000.000.000	461.324.100.544	656.324.100.544
- Chuyển từ Hàng tồn kho sang Trung tâm thương mại cho thuê tại Chung cư GoldenLand	-	924.232.848	924.232.848
Số dư cuối kỳ	195.000.000.000	462.248.333.392	657.248.333.392
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	22.968.151.558	22.968.151.558
- Khấu hao trong kỳ	-	5.784.800.313	5.784.800.313
Số dư cuối kỳ	-	28.752.951.871	28.752.951.871
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	195.000.000.000	438.355.948.986	633.355.948.986
Tại ngày cuối kỳ	195.000.000.000	433.495.381.521	628.495.381.521

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty bao gồm Tòa nhà văn phòng 9 tầng cho thuê tại số 183 Bà Triệu, Quận Hải Bà Trưng, Hà Nội (trong đó, quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 195 tỷ đồng, công trình trên đất có nguyên giá 51 tỷ đồng); Tầng hầm và Trung tâm thương mại cho thuê tại Chung cư GoldenLand Building số 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (nguyên giá 386 tỷ đồng) và một số nhà cửa, vật kiến trúc khác tại Thành phố Hải Phòng.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/04/2017		30/09/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
- Vay ngắn hạn	-	-	75.731.814.000	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (1)	-	-	75.731.814.000	-
	-	-	75.731.814.000	75.731.814.000
b) Vay dài hạn				
- Vay dài hạn	-	-	4.506.666.000	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (2)	-	-	4.506.666.000	-
	-	-	4.506.666.000	4.506.666.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-
	-	-	4.506.666.000	4.506.666.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số HPG20170048/HBTD ngày 12/01/2017 và Phụ lục Hợp đồng số HPG20170048/HBTD/P02 bao gồm các điều khoản chi tiết như sau:
 - + Mục đích vay: Thanh toán L/C nhập khẩu xe;
 - + Thời hạn vay: Không vượt quá 6 tháng, được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất theo từng lần giải ngân do hai bên thỏa thuận nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Techcombank tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng và được quy định cụ thể trên mỗi Khế ước nhận nợ;
 - + Phương thức bảo đảm: Tài sản bảo đảm là Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi, Hàng hóa, các Quyền đòi nợ và các Tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Khách hàng tại Techcombank;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2017 là 75.731.814.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng tín dụng số 0080/TDA/14CD ngày 24/02/2016 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 93.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- + Thời hạn cho vay: Từ ngày giải ngân đến 30/06/2019;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng hình thức ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/09/2017 là 4.506.666.000 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	-	-	12.697.827.651	12.697.827.651
- Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện	5.897.739.634	5.897.739.634	24.494.339.716	24.494.339.716
- Phải trả các đối tượng khác	3.598.101.304	3.598.101.304	5.715.125.914	5.715.125.914
	9.495.840.938	9.495.840.938	42.907.293.281	42.907.293.281

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	50.069.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	5.644.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	6.022.499.999	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	-	1.400.000.000
- Tiền ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua căn hộ chung cư	25.056.609.791	41.341.850.784
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	10.793.958.030	11.217.216.557
	97.586.067.820	53.959.067.341

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.885.052.589	107.766.211.766	110.006.899.991	-	644.364.364
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.111.982.425	58.416.122.864	68.062.618.039	-	20.465.487.250
- Thuế thu nhập cá nhân	-	163.863.598	14.562.485.769	14.784.416.780	73.005.907	14.938.494
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
	3.000.000	33.160.898.612	180.747.820.399	192.853.934.810	73.005.907	21.124.790.108

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Chi phí công trình đã ký hợp đồng và đang thực hiện tại dự án Chung cư Golden Land	-	24.793.509.060
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 183, Bà Triệu Hà Nội	3.724.097.980	4.586.993.544
	3.724.097.980	29.380.502.604

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	404.000.000	317.067.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90.683.120	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	5.141.800.786	2.031.018.529
+ <i>Phải trả Ban quản lý Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ</i>	<i>3.051.710.787</i>	<i>2.031.018.529</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>2.090.089.999</i>	-
	5.636.483.906	2.348.085.529
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược thuê mặt bằng, tài sản	4.501.382.170	4.501.382.170
- Nhận ký quỹ đảm bảo thực hiện thi công Tòa Trung tâm Thương mại Chung cư Golden Land của Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HP Land	41.250.000.000	41.250.000.000
- Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (*)	142.600.000.000	-
	188.351.382.170	45.751.382.170

(*) Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết HĐQT số 07/2017/BB-HĐQT và số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 16/08/2017 về việc chuẩn bị đầu tư các dự án Bất động sản và theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD ngày 16/08/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) để thực hiện Dự án bất động sản cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ, xuống cấp U1, U2, U3 Lê Lợi và HH3, HH4 Đông Quốc Bình tại Tp. Hải Phòng và đầu tư dự án bất động sản tại địa chỉ số 1 và số 8 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng. Thông tin chi tiết về các Dự án Bất động sản xem tại Thuyết minh số 9.

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	4.936.477.437	4.393.329.104
- Lãi bán hàng nội bộ cho Công ty liên kết chưa thực hiện	1.877.820.597	3.981.304.146
	6.814.298.034	8.374.633.250

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.200.000.000.000	412.066.900.640	19.629.480.696	1.631.696.381.336
Tăng vốn trong kỳ trước	2.099.945.720.000	-	-	2.099.945.720.000
Lãi trong kỳ trước	-	285.775.671.829	318.258.312	286.093.930.141
Điều chỉnh tỷ lệ kiểm soát giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát	-	6.497.002.473	(19.906.652.473)	(13.409.650.000)
Điều chỉnh ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ vốn góp tại Công ty liên kết	-	182.896.487.203	-	182.896.487.203
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	(9.600.000)	(9.600.000)
Số dư cuối kỳ trước	3.299.945.720.000	887.236.062.145	31.486.535	4.187.213.268.680
Số dư đầu năm nay	3.629.940.140.000	797.867.217.389	34.301.813	4.427.841.659.202
Lãi trong kỳ này	-	253.784.695.817	771.606.00	253.785.467.423
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(290.395.211.200)	-	(290.395.211.200)
Điều chỉnh khác tại Công ty liên kết	-	143.724.595	-	143.724.595
Giảm khác tại Công ty con	-	(1.260.988.419)	(37.830)	(1.261.026.249)
Số dư cuối kỳ này	3.629.940.140.000	760.139.438.182	35.035.589	4.390.114.613.771

(*) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đồng)	290.395.211.200

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.937.603.890.000	53,38%	1.937.603.890.000	53,38%
	3.629.940.140.000	100%	3.629.940.140.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.629.940.140.000	1.200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	- 2.099.945.720.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	3.629.940.140.000	3.299.945.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	290.395.211.200	-

d) Cổ phiếu

	30/09/2017	01/04/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/09/2017	01/04/2017
Đô la Mỹ	USD	1.545,88	1.618,68
Euro	EUR	8,95	8,95

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.323.215.274	10.536.404.707
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	13.794.818.180	15.440.000.000
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	994.888.839.193	488.224.940.103
Doanh thu kinh doanh bất động sản	67.854.068.447	78.296.906.986
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.208.323.592	20.039.337.922

1.104.069.264.686 **612.537.589.718**

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

898.942.868.119 **413.470.454.546**

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	490.909.091	754.545.455
	490.909.091	754.545.455

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	1.909.049.325	13.482.635.132
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	10.276.497.779	12.607.177.859
Giá vốn của ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	743.172.678.528	387.656.736.912
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	41.981.885.388	45.960.809.050
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.302.361.239	5.015.611.853
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(760.320.000)
	809.642.472.259	463.962.650.806

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.031.292.472	5.920.444.876
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	21.456.522	327.779.869
	12.052.748.994	6.248.224.745

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	492.256.791	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	173.796	4.458.213
Chi phí tài chính khác	231.226.177	-
	723.656.764	4.458.213

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.153.405.885	954.067.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.468.057.868	319.137.516
Chi phí khác bằng tiền	2.448.436.940	2.295.401.900
	5.069.900.693	3.568.607.365

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.178.802.893	2.726.920.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.533.373.220	3.721.752.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.427.481.569	1.977.731.118
Chi phí khác bằng tiền	3.680.057.454	1.721.100.786
	10.819.715.136	10.147.504.567

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của Tài sản thuần và giá phí khoản đầu tư tại thời điểm mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	-	166.941.323.483
Tài sản, hàng hóa nhận biếu, tặng từ Navistar	4.889.519.123	72.240.718
Tiền phạt thu được	-	153.076.065
Tiền thu từ khách hàng bỏ tiền đặt cọc	-	67.000.000
Thu nhập khác	30.013.890	81.498.543
	4.919.533.013	167.315.138.809

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ	51.986.081.567	22.144.261.598
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con	6.430.041.297	8.729.462.069
	58.416.122.864	30.873.723.667

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	375.564.119	820.263.145
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	375.564.119	820.263.145

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(375.564.119)	(451.140.644)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	820.263.145	-
	444.699.026	(451.140.644)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	253.784.695.817	285.775.671.829
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	253.784.695.817	285.775.671.829
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	362.994.014	316.412.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	699	903

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	988.053.696.329	549.648.307.645
Chi phí nhân công	5.542.634.669	4.858.606.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.211.716.174	5.925.564.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.773.044.128	10.478.469.232
Chi phí khác bằng tiền	6.133.706.394	4.041.707.224
	1.017.714.797.694	574.952.655.298

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/09/2017		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.469.455.909	-	527.522.459.306	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	56.019.178.708	-	85.730.418.618	-
Các khoản đầu tư	265.750.000.000	-	83.150.000.000	-
	535.238.634.617	-	696.402.877.924	-

	Giá trị số kế toán	
	30/09/2017	01/04/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	80.238.480.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	203.483.707.014	91.006.760.980
Chi phí phải trả	3.724.097.980	29.380.502.604
	287.446.284.994	120.387.263.584

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.469.455.909	-	-	213.469.455.909
Phải thu khách hàng, phải thu khác	56.019.178.708	-	-	56.019.178.708
Các khoản đầu tư	220.300.000.000	1.500.000.000	43.950.000.000	265.750.000.000
	489.788.634.617	1.500.000.000	43.950.000.000	535.238.634.617
Tại ngày 01/04/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.522.459.306	-	-	527.522.459.306
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.730.418.618	-	-	85.730.418.618
Các khoản đầu tư	39.200.000.000	-	43.950.000.000	83.150.000.000
	652.452.877.924	-	43.950.000.000	696.402.877.924

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2017				
Vay và nợ	75.731.814.000	4.506.666.000	-	80.238.480.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.132.324.844	188.351.382.170	-	203.483.707.014
Chi phí phải trả	3.724.097.980	-	-	3.724.097.980
	94.588.236.824	192.858.048.170	-	287.446.284.994
Tại ngày 01/04/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	45.255.378.810	45.751.382.170	-	91.006.760.980
Chi phí phải trả	29.380.502.604	-	-	29.380.502.604
	74.635.881.414	45.751.382.170	-	120.387.263.584

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

200
CÔNG
Ô F
TUL
: I C
ÁNG
T. P

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	80.238.480.000	1.450.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	-	6.068.860.000

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh phương tiện vận tải VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên	1.010.515.963.556	67.854.068.447	25.208.323.592	-	1.103.578.355.595
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	255.157.737.924	25.872.183.059	12.905.962.353	-	293.935.883.336
Tài sản bộ phận	946.866.717.192	842.248.106.939	628.495.381.521	375.564.119	2.417.610.205.652
Tài sản không phân bổ					2.385.628.662.655
Tổng Tài sản	946.866.717.192	842.248.106.939	628.495.381.521	375.564.119	4.803.238.868.307
Nợ phải trả không phân bổ					413.124.254.536
Tổng Nợ phải trả					413.124.254.536

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
		đến 30/09/2017	đến 30/09/2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		898.942.868.119	413.470.454.546
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	144.359.090.939	48.985.454.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	107.990.909.112	54.222.636.364
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	28.813.686.186	11.654.136.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	28.781.818.186	31.792.727.273
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	44.673.636.373	18.355.454.545
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	377.097.272.758	177.476.363.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	13.844.818.180	14.526.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Khoản đầu tư của công ty con	81.793.454.548	44.802.727.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	71.588.181.837	11.654.136.364
Cổ tức và lợi nhuận được chia		-	319.990.400.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	319.990.400.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Mối quan hệ	30/09/2017	01/04/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		5.373.114.999	69.290.605.055
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	3.177.215.000	20.718.015.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	-	9.804.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	-	1.433.790.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	1.828.000.000	5.554.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	-	8.193.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	-	3.761.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	331.099.999	2.101.799.999
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	36.800.000	3.627.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	-	14.097.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		62.820.755.143	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	476.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	609.255.144	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Vợ Giám đốc	6.022.499.999	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con	50.069.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	5.644.000.000	-

Phải trả khác - Tiền góp vốn hợp tác đầu tư		142.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	142.600.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Từ 01/04/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT		460.592.121	415.660.385

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

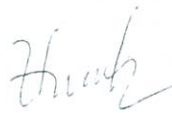
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán Hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2017



Đỗ Hữu Hạ

CTCP
 * * *